

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-PT.

Ngày 24/5/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Ông Nguyễn Trung Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 24/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2023/TLPT-HNGĐ ngày 10/4/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2023/QĐ-PT ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988 (Có mặt)

Cư trú: thôn Hoàng Lại, xã Thanh Vân, huyện HH, tỉnh B

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt)

Cư trú: thôn Hoàng Lại, xã Thanh Vân, huyện HH, tỉnh B

*** Người kháng cáo:** Bị đơn chị Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai anh Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Vân, huyện HH, tỉnh B, ngày 01/4/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, năm 2021 anh có nghi ngờ chị H ngoại tình nên vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai, nay anh xác định

tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện HH giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh H2, sinh ngày 17/12/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 31/5/2017. Hiện nay hai con chung đang sinh sống cùng chị H và bố mẹ anh, nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con chung, nếu chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh đồng ý, hiện nay anh đang làm kinh doanh thu nhập 20.000.000 đồng/01 tháng.

Tại phiên tòa anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H là 8.000.000 đồng trên một tháng cho hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng đất, công sức: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định vợ chồng đăng ký kết hôn như anh H1 trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng chị xác định anh H1 trình bày không đúng, chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2017, nhưng chỉ mâu thuẫn bình thường, vợ chồng có thi thoảng cãi nhau, anh H1 có đánh chị, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, tuy nhiên sau đó gia đình hòa giải thì vợ chồng lại bình thường. Việc anh H1 trình bày nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình là không đúng, vợ chồng sống ly thân từ khi anh H1 làm đơn xin ly hôn tháng 12 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, việc mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên có động viên hòa giải, nhưng anh H1 không về đoàn tụ; Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh H1 xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa chị H xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do không hợp nhau, đến 9/2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do nghi ngờ nhau về tình cảm, anh H1 có quan hệ ngoại tình, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ và vợ chồng chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản chung của vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh H2, sinh ngày 17/12/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày

31/5/2017. Hiện nay hai con chung đang sinh sống cùng chị và ông bà nội. Chị không đồng ý ly hôn nên về con chung chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa chị đề nghị nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, chị yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 8.000.000 đồng /01 tháng cho hai con chung, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị không đồng ý ly hôn, chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ; về ruộng đất, công sức: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Với nội dung nêu trên, Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 21a ngày 04/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện HH đã quyết định:

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điều Điều 147; Điều 200; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Ánh H2, sinh ngày 17/12/2015 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 31/5/2017 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 8.000.000 (Tám triệu) đồng trên một tháng cho hai con chung, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2023.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 09/3/2023 bị đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia tài sản chung vợ chồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Anh đồng ý với bản án sơ thẩm, về tài sản anh và chị H sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu không thỏa thuận được.

- Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị không đồng ý với bản án sơ thẩm đã không giải quyết về tài sản cho chị, chị có làm đơn trình bày đề nghị Tòa án giải

quyết trước khi Tòa án có quyết định xét xử nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét cho chị, nên chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh B.

Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 12/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 21a ngày 04/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh B đã giải quyết về quan hệ hôn nhân và trách nhiệm nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng. Nội dung này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, HĐXX thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H1 và bị đơn là chị Nguyễn Thị H chỉ đề nghị Tòa án nhân dân huyện HH giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Về tài sản chung vợ chồng, về ruộng đất và công sức thì anh H1 và chị H đều không đề nghị giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/01/2023 anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị H cũng không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng nên ngày 09/02/2023 Tòa án nhân dân huyện HH đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Ngày 06/02/2023, chị H mới có bản tường trình gửi cho Tòa án đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung. Ngày 09/02/2023, Tòa án nhân dân huyện HH đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Như vậy, chị Nguyễn Thị H đã đưa ra yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân huyện HH không xem xét giải quyết đề nghị của chị Nguyễn Thị H về việc phân chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của chị H đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án này là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn bằng một vụ án khác khi chị H có đơn yêu cầu.

[3]. Từ những nội dung trên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh B.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh B.

2. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002521 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện HH;
- Chi cục THADS huyện HH;
- Cổng thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương